

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2026/HNGĐ – ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2026

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Minh Hồng và ông Hà Văn Nam;
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Phú Thọ;
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Phú thọ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 31/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2026/QĐST – HNGĐ ngày 13/8/2026.

Nguyên đơn: Anh Đinh Công T, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Dừng, xã Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Dừng, xã Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2026 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Đinh Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 30/11/1997, anh và Chị Hà Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Kiệt, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, nay là xã Tân Sơn, tỉnh

Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai bên đã ly thân từ năm 2001, kể từ thời điểm ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Phú Thọ, cho anh ly hôn với Chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu: Đinh Công Huyền, sinh ngày 14/01/1998. Hiện cháu Huyền đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Về phía bị đơn Chị Hà Thị T trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị T không có mặt nên chưa có lời trình bày.

[3]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2026, anh Đinh Công Nguyên là con ruột của Chị T trình bày: Mẹ anh cư trú tại thôn Dừng, xã Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, hiện đang làm việc tại phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể, mẹ anh vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại hoặc về thăm nhà. Anh đã nhận được các văn bản tổng đạt của Tòa án, đã báo cho mẹ anh, nhưng do bận công việc, nên mẹ anh không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh T và Chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và Anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị

Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Phú Thọ cho anh ly hôn với Chị T, căn cứ khoản 1, Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung ngày 25/6/2025 (*dưới đây viết là Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng cố ý vắng mặt không có lý do, Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Phú Thọ xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 30/11/1997, anh Đinh Công T và Chị Hà Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Kiệt, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, nay là xã Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Quan hệ hôn nhân giữa hai bên được xác lập là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày về việc vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, hai bên đã ly thân từ đầu năm 2001 cho đến nay. Để làm rõ tình trạng hôn nhân của hai bên, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình và địa phương nơi Nguyên đơn, Bị đơn cư trú (*bút lục số 37, 38*), kết quả đã xác định: Vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã ly thân từ năm 2001 cho đến nay.

Theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 3, Điều 4 của Nghị Quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” là thuộc

một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng”;

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Anh T, Chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Đình Công Huyền, sinh ngày 14/01/1998, hiện đã thành niên có gia đình riêng nên Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với yêu cầu này của Anh T Hội đồng xét xử thấy rằng con chung của Anh T, Chị T đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, do đó, không xem xét, giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T không yêu cầu, Chị T vắng mặt tại Tòa án chưa có lời trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh T, Chị T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Phú Thọ: Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 1, Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1, Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27, điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Đinh Công T được ly hôn với Chị Hà Thị T.
2. **Về con chung:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
3. **Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Đinh Công T.
5. **Về quyền kháng cáo:** Chị T, Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh + VKSND khu vực 7 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 7, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tân Khải Nhân